TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 359/2023/HS-PT
Ngày: 18/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 987/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Nguyễn Quốc H) bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 354/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn H (Nguyễn Quốc H), sinh năm 1976; giới tính: nam; ĐKNKTT: thôn T, xã L, huyện T, Thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C và bà Nguyễn Thị C; có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2022 đến nay (Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H); Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo (Do Tòa án chỉ định): Luật sư Nguyễn Quang T – Đoàn Luật sư Thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa do bị cáo mời: Luật sư Trịnh Ngọc Bảo K và Vũ Văn T - Vắng mặt.

Bị hại: anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: số 22A đường H, phường T, quận H, Thành phố H; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phạm Viết T, sinh năm 1979; nơi cư trú: số 3 phố V, phường H, quận H, Thành phố H; Có mặt.

2. Chị Mã Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện T, Thành phố H; chỗ ở: nhà C chung cư A, tổ 14 phường C, quận N, Thành phố H; Có mặt.

3. Bà Hoàng Thị Bích N, sinh năm 1948; nơi cư trú: số 22A đường H, phường T, quận H, Thành phố H; Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1951; trú tại: số nhà 17, ngõ 174, phố N, phường N, quận L, Thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/5/2010, ông Phạm Đăng C cùng vợ là bà Hoàng Thị Bích N mua của bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1951; trú tại số nhà 17, ngõ 174, phố N, phường N, quận L, Thành phố H) thửa đất có diện tích 930 m^2 đất nông nghiệp tại thôn G, xã N, huyện G, Thành phố H (nay có địa chỉ mới là ngõ 174, phố N, phường N, quận L, Thành phố H) với số tiền 750.000.000 đồng, việc mua bán chỉ có giấy viết tay không thông báo với chính quyền, hiện nay không còn giấy tờ mua bán. Sau khi ông C mất, gia đình bà Ngọc thống nhất cho anh Phạm Ngọc Đ toàn bộ diện tích đất trên. Do có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đối với diện tích 930 m^2 đất từ đất nông nghiệp sang đất ở lâu dài để bán được giá nên anh Đ đã nhờ anh Phạm Viết T (là bạn học của anh Đ) giới thiệu người giúp, anh T đồng ý. Thông qua mối quan hệ xã hội, anh T được Nguyễn Văn H giới thiệu là đang làm tại ngân hàng. H có mối quan hệ và khả năng có thể thực hiện được việc chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất nêu trên. Tin tưởng H, nên anh T (được Đạo nhờ) đã nhờ H để giúp đỡ cho anh Đ. Để thuận tiện cho việc giao dịch, anh Đ nhờ anh T đứng tên của anh T khi liên hệ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với H, sau khi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ bán đi để lấy tiền. Do đó ban đầu anh T là người giao dịch với H, nhưng thực tế tiền và đất là của gia đình anh Đ chuyển cho Thành.

Quá trình gặp gỡ, trao đổi H nói giá tiền để đi liên hệ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất trên là 3.500.000.000 đồng, hẹn thời hạn

04 tháng sẽ thực hiện xong. Tin tưởng những thông tin do H đưa ra là thật, tháng 6/2016, anh Đ đã đưa cho anh T số tiền là 2.500.000.000 đồng để Thành chuyển tiền cho H. Việc giao tiền diễn ra tại nhà anh Đ ở số 149, phố N, phường N, quận T, H. Ngày 03/6/2016, anh T đã đưa số tiền là 400.000.000 đồng cho H có viết giấy biên nhận với nội dung: *"...để làm thủ tục, nộp thuế 930 m^2 đất của bà Nguyễn Thị T, thời hạn thực hiện công việc là 07 tháng...* ". Từ ngày 22/6/2016 đến ngày 12/9/2016, anh T đã 07 lần chuyển đến tài khoản số 0021000365330 của Nguyễn Văn H mở tại Ngân hàng VietcomBank tổng số tiền là 1.977.000.000 đồng với nội dung: *"Em T chuyển tiền đất G".* Sau đó, theo anh T trình bày thì anh T đã đưa tiếp cho H số tiền 123.000.000 đồng nhưng không viết giấy biên nhận. Do H gọi điện thoại cho anh T yêu cầu chuyển nốt số tiền 1.000.000.000 đồng còn thiếu cho H nên ngày 28/7/2016, anh Đ nhờ mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Bích N ra ngân hàng chuyển vào tài khoản số 0021000365330 của H mở tại ngân hàng VietcomBank số tiền 1.000.000.000 đồng, với nội dung: *"BA HOANG THI NGOC- THANH CHUYEN TIEN LAM DAT SO DO QUAN LONG BIEN".* Sau khi nhận tiền, H hướng dẫn anh T làm văn bản thỏa thuận chuyển giao quyền sử dụng đất, nên ngày 21/6/2016 gia đình bà Nguyễn Thị T ký văn bản thỏa thuận chuyển giao quyền sử dụng đất cho anh Phạm Viết T, biên bản này được anh T đưa H giữ 01 bản. Sau thời gian 06 tháng H vẫn chưa thực hiện được việc chuyển đổi mục đích sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa hẹn nên anh T và anh Đ đã nhiều lần liên lạc với H để đòi tiền. Tuy nhiên, H vẫn lấy lý do phải chờ để có thêm thời gian thực hiện. Ngày 05/7/2017, H viết cho anh T 01 bản cam kết có nội dung: *"Chậm nhất là 04 tháng nữa sẽ làm được sổ đỏ đất cho anh Thành",* Sau đó, anh Đ trực tiếp gặp H yêu cầu H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H chứ không nhờ anh T đứng tên nữa. H nói anh Đ làm lại văn bản thỏa thuận gia đình việc bà Nguyễn Thị T chuyển giao quyền sử dụng đất cho anh Đ nên ngày 30/11/2017 anh Đ làm lại hợp đồng ủy quyền có nội dung gia đình bà Nguyễn Thị T ủy quyền sử dụng thửa đất trên cho anh Đ, rồi anh Đ đưa cho H giữ 01 văn bản hợp đồng ủy quyền này. Do thấy thời gian kéo dài, nhưng H vẫn không làm được việc chuyển đổi mục đích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời H cũng không chịu trả tiền cho anh Đ. Ngày 07/3/2019, anh Đ đã gửi đơn tố cáo Nguyễn Văn H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H; đồng thời giao nộp các tài liệu gồm: 01 Bản cam kết và 01 Giấy biên nhận có chữ ký đứng tên Nguyễn Văn H.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Văn H đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo đối với H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và quyết

định truy nã đối với H. Ngày 13/3/2022, Nguyễn Văn H ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ đồ vật, tài liệu do anh Phạm Ngọc Đ giao nộp như sau:

+ 01 Giấy ủy nhiệm chi của chủ tài khoản Hoàng Thị Bích N số tiền chuyển là 1.000.000.000 đồng, số tài khoản 0021000365330 của Nguyễn Văn H ngày 28/7/2016, tại ngân hàng Vietcombank, nội dung: *"Thành chuyển tiền làm đất sổ đỏ quận L "*

+ 01 USB bên trong có 01 video ghi lại cuộc nói chuyện giữa anh Đ, anh T và H ngày 03/5/2018. Anh Đ trình bày đây là nội dung cuộc nói chuyện giữa anh Đ đòi H số tiền 3.500.000.000 đồng.

- Cơ quan điều tra thu giữ của anh Phạm Viết T tài liệu gồm:

+ 01 tập tài liệu sao kê số tài khoản 0011002592299 của Phạm Viết T thời gian từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 có dấu đỏ của ngân hàng và chữ ký anh T xác nhận việc chuyển tiền vào số tài khoản của H. Tổng số tiền từ tài khoản anh T chuyển cho H số tiền 900.000.000 đồng, tuy nhiên anh T khai trong số tiền này có cả tiền anh T chuyển cho H để trả nợ ngân hàng (anh T nhờ H vay hộ) và anh T không nhớ được cụ thể số tiền chuyển để nhờ H làm sổ đỏ là bao nhiêu.

+ 01 Giấy nộp tiền ngày 09/9/2016 của Trần Hồng H (nhân viên công ty anh Thành) nộp cho ngân hàng Vietcombank, số tài khoản 0021000365330 của Nguyễn Văn H, nội dung *"tiền đất G - em Thành BMW",* số tiền 168.000.000 đồng.

+ 01 bản sao giấy nộp tiền ngày 02/8/2016 vào số tài khoản 0021000365330 của Nguyễn Văn H, số tiền: 850.000.000 đồng, nội dung: *"PVTHANH chuyển tiền làm đất G".*

+ 01 Thẻ tên, chức vụ của Nguyễn Văn H tại Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong (TPBank).

+ 01 Giấy biên nhận số tiền 400.000.000 đồng ngày 03/6/2016 do Nguyễn Văn H ký và viết ra có nội dung: *"Mục đích nhận tiền để làm các thủ tục nộp thuế của tài sản mang tên hộ gia đình ông, bà Nguyễn Thị T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0462.QSDD do UBND huyện G, Thành phố H cấp ngày 10/11/2000, địa chỉ tại thôn G, xã N, huyện G, Hà Nội, diện tích 930 m^2. Thời hạn thực hiện công việc chậm nhất là 07 tháng, kể từ ngày 03/6/2016, Trong trường hợp không thực hiện được các việc với nội dung như trên thì tôi hoàn trả lại số tiền trên cho ông Thành. "*

+ 01 bản cam kết đề ngày 05/7/2017, anh T khai do Nguyễn Văn H ký và viết ra, nội dung: *"Cam kết làm sổ đỏ mảnh đất: Thôn G, xã N, G, trong thời gian chậm nhất là 04 tháng kể từ ngày 05/7/2017... "*

Tại Công văn số 552/VCB-BKTNB ngày 22/4/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, cung cấp:

"- Tài khoản số 0021000365330 mang tên NGUYEN VAN HANH mở tại VCB Chi nhánh Hà Nội.

Ngày 22/6/2016, nhận số tiền 300.000.000 đồng, nội dung: *"Em Thành chuyển tiền đất - G"*

Ngày 23/6/2016, nhận số tiền 209.000.000 đồng, nội dung: *"Em Thành chuyển tiền đất G"*

Ngày 28/7/2016, nhận số tiền 1.000.000.000 đồng, nội dung *"BA HOANG THINGOC - THANH CHUYEN TIEN LAM DAT SO DO QUAN LONG BIEN"*

Ngày 28/7/2016, nhận số tiền 100.000.000 đồng, nội dung: *"Chuyển tiền làm chuyển đổi đất G"*

Ngày 02/8/2016, nhận số tiền 850.000.000 đồng, nội dung: *"TRANHONGHANH;PVTHANH chuyển tiền làm đất G"*

Ngày 05/9/2016, nhận số tiền 150.000.000 đồng, nội dung: *"Em Thanh chuyển tiền làm đất G"*

Ngày 09/9/2016, nhận số tiền 168.000.000 đồng, nội dung: *"Trần Hồng Thanh tiền đất G em Thành BMW GD TIEN MAT"*

Ngày 12/9/2016, nhận số tiền 200.000.000 đồng, nội dung: "Nộp tiền đất G - *em Thành BMW GD TIEN MAT""*

Tại biên bản trao đổi, làm việc ngày 14/5/2019 với Ngân hàng thương mại cổ phần Tiền phong Chi nhánh Hà Nội; địa chỉ tại số 22 Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố H, xác định: Từ năm 2016 đến nay, ngân hàng không có cán bộ nhân viên nào tên Nguyễn Văn H - sinh năm 1976; trú tại xã L, huyện T, Thành phố H."

Tại biên bản làm việc ngày 17/5/2019 với Ủy ban nhân dân phường N, quận L, Thành phố H xác định: "... Tại địa chỉ ngõ 174, phố N, phường N, quận L, Thành phố H có mảnh đất nông nghiệp diện tích 930 m^2 đứng tên chủ hộ là bà Nguyễn Thị T. Đến năm 2018, gia đình bà Thành đã chuyển quyền sử dụng mảnh đất trên cho ông Đào Kim Quất. Sau đó, ông Quất chuyển quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị Lân, bà Vũ Thị Toàn, bà Nguyễn Thị Bắc, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Tư và bà Nguyễn Thị Liễu mỗi người 125m^2. Những người

mua đất của ông Quất đã làm tờ trình để chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng đến nay chưa được Ủy ban nhân dân quận L đồng ý.

Trước khi ông Quất và những ông, bà trên làm tờ trình để chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì không có ai trình hồ sơ, nộp hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất hay chuyển nhượng đất sang tên Phạm Ngọc Đ đối với 930 m^2 đất nông nghiệp tại địa chỉ ngõ 174, phố N, phường N, quận L, Thành phố H.

Theo quy định Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phải trình từ Ủy ban nhân dân cấp xã sau đó tới Ủy ban nhân dân cấp huyện mà không phải nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh."

Tại bản Kết luận giám định số 5056A/C09-P5 ngày 06/11/2019 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an, kết luận*: "... Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn H trên các mẫu cần giám định là Giấy biên nhận ngày 03/6/2016 và Bản cam kết ngày 05/7/2017 là chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn H"*

Tại Công văn số 543/TNMT-ĐĐ ngày 13/5/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường - Ủy ban nhân dân quận L, trả lời: "... Không có việc ông Nguyễn Văn H liên hệ với Phòng để được xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Ngọc Đ với diện tích 930 m^2 đất nông nghiệp tại địa chỉ ngõ 174 phố N, phường N, quận L, Hà Nội... Không có lãnh đạo hoặc cán bộ tên là Tuyển, Khánh..."

Tại Công văn số 4100/STNMT-VP ngày 26/5/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy ban nhân dân Thành phố H, trả lời: "... Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội không tiếp nhận hồ sơ nào liên quan đến việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 930 m^2 đất nông nghiệp tại địa chỉ ngõ 174 phố N, phường N, quận L, Hà Nội cho Phạm Ngọc Đ...Không có lãnh đạo hoặc cán bộ nào tên là Tuyển.."

Tại bản Kết luận giám định số 2621/C09-P6 ngày 10/7/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: "... Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp Video mẫu cần giám định; Giọng nói của người đàn ông xưng *"tôi*" trong tệp Video mẫu cần giám định và giọng nói của Phạm Ngọc Đ trong mẫu so sánh là cùng một người; Giọng nói của người đàn ông xưng *"em"* trong tệp Video mẫu cần giám định và giọng nói của Phạm Viết T trong mẫu so sánh là của cùng một người; Toàn bộ nội dung các cuộc nói chuyện trong tệp Video mẫu cần giám định đã được thành văn bản."

Quá trình điều tra, chị Mã Thị H (sinh năm 1976; là vợ của Nguyễn Văn H) giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền ngày 24/4/2018; 01 giấy xác nhận ngày 24/4/2018 được sửa thành ngày 24/6/2016 có chữ ký của Nguyễn Văn H và anh Phạm Viết T.

Tại bản Kết luận giám định số 9064/C09-P5 ngày 31/3/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

"5.1 Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Viết T dưới mục "Bên giao tiền" và chữ ký, chữ viết ở dòng thứ 1 từ dưới lên trên mẫu cần giám định ký hiệu Al; Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Viết T dưới mục "Bên vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Viết T trên các mẫu so sánh M4, M5 do cùng một người ký, viết ra.

5.2 Chữ ký, chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu Al, A2 (trừ chữ ký, chữ viết đã kết luận tại mục 5.1 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu từ Ml đến M3 do cùng một người ký, viết ra."

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H chỉ thừa nhận đã chiếm đoạt của anh Phạm Ngọc Đ tổng số tiền là 3.377.000.000 đồng (thông qua hình thức chuyển khoản là 2.977.000.000 đồng; có biên nhận số tiền là 400.000.000 đồng) thông qua việc nhờ anh Phạm Viết T chuyển để nhờ H chuyển đổi mục đích sử dụng cho 930 m^2 đất nông nghiệp. Đối với số tiền 123.000.000 đồng mà anh T khai đã chuyển cho H, do không có giấy tờ biên nhận để chứng minh nên H không thừa nhận; đồng thời cũng không có căn cứ để kết luận H đã chiếm đoạt số tiền trên. H khai sau khi nhận tiền của anh Đ, thì H đã chuyển tiền cho một người đàn ông tên Ba ở thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được thông tin nhân thân, lai lịch). Do lời khai của H không có căn cứ nên Cơ quan điều tra không tổ chức xác minh được.

Đối với hành vi của Phạm Viết T, kết quả điều tra xác định anh T không gian dối trong việc nhận tiền từ anh Phạm Ngọc Đ chuyển cho Nguyễn Văn H để chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho anh Đ nên không đồng phạm với H. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Thành.

Đối với số tiền 850.000.000 đồng mà cá nhân anh Phạm Viết T vay của Nguyễn Văn H vào ngày 24/4/2018 đến nay chưa trả, H yêu cầu được khấu trừ về dân sự số tiền này cho anh Phạm Ngọc Đ. Anh T đề nghị H phải trả đủ tiền đã chiếm đoạt cho anh Đ, còn số tiền anh T vay của H là tranh chấp giao dịch dân sự, anh T sẽ có trách nhiệm thanh toán cho H sau.

Đối với việc Nguyễn Văn H khai đã bảo lãnh cho anh Phạm Viết T vay của anh Hoàng Mạnh Hùng (sinh năm 1976; trú tại phòng 112 - C7 tập thể Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận H, Hà Nội) số tiền 2.000.000.000 đồng và việc H chuyển khoản ngân hàng cho chị Mã Thị H (vợ H) rồi chị Hà chuyển khoản cho anh Hùng số tiền 200.000.000 đồng. Chị Hà đã giao nộp giấy báo có và sao kê ngân hàng chứng minh nội dung chuyển khoản cho anh Hùng là *"H chuyển trả anh Phạm Viết T"* Chị Hà đề nghị khấu trừ về dân sự số tiền này cho anh Phạm Ngọc Đ. Tại Cơ quan điều tra, anh Hùng khai Thành đã trả hết nợ cho

mình và không có liên quan gì đến bị cáo H, anh Hùng không đồng ý giao nộp số tiền mà chị Hà chuyển khoản cho mình, mặc dù nội dung chuyển khoản ghi *"H chuyển trả anh Phạm Việt Thành* ", vì trước đó Nguyễn Văn H còn nợ tiền anh Hùng chưa trả.

Đối với 02 người có tên "Khánh", "Tuyển" mà anh Phạm Ngọc Đ và Phạm Viết T khai được Nguyễn Văn H giới thiệu có quen biết trong việc làm giấy chứng nhận chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Tại Công văn số 543/TNMT-ĐĐ ngày 13/5/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân quận L, cung cấp: "...Không có lãnh đạo, cán bộ tên Tuyển, Khánh và không có ai có quan hệ hoặc biết ông Nguyễn Văn H...". Tại Công văn số 4100 ngày 26/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân Thành phố H, cung cấp: "... Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội không có lãnh đạo, cán bộ nào tên Tuyển...". Cơ quan điều tra đã sử dụng ảnh của tất cả lãnh đạo, cán bộ có tên Khánh công tác tại Sở Tài nguyên và Môi trường cho anh Phạm Ngọc Đ và Phạm Viết T nhận dạng nhưng cả hai đều không nhận ra được. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục xác minh.

Trong quá trình điều tra vụ án, chị Mã Thị H đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả thay H. Chị Hà đã sang tên cho anh Phạm Ngọc Đ căn hộ chung cư 505-B10A, Tòa nhà Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận cầu Giấy, Hà Nội có giá trị là 1.200.000.000 đồng; ngày 08/02/2021, chị Hà giao nộp tại Cơ quan điều tra số tiền là 200.000.000 đồng để trao trả cho anh Phạm Ngọc Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 354/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn H 09 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2022, bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H không thắc mắc những vấn đề khác trong bản án sơ thẩm, chỉ cho rằng bị xử phạt tù là nặng, oan cho bị cáo. Bị cáo không cung cấp được các tài liệu, tình tiết mới. Gia đình bị cáo nộp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Anh Thành, anh Đ đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng khác chấp hành đúng quy định của pháp luật và đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn H bị xử phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt với mức 9 năm tù là phù hợp. Nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 BLTTHS bác kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo từ chối người bào chữa do Tòa án chỉ định, luật sư Nguyễn Quang Tiến đã đến phiên tòa nhưng không tham gia bào chữa cho bị cáo. Bị cáo tự từ bỏ quyền của mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bị cáo.

Luật sư Trịnh Ngọc Bảo K và Vũ Văn T do bị cáo mời, đã sao chụp hồ sơ vụ án từ ngày 26/4/2023; đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa với lý do bận tham gia phiên tòa khác. Các luật sư cũng không gửi bản bào chữa hay chứng cứ đến Tòa án, có đơn xin hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy, các luật sư đã được triệu tập hợp lệ, xin hoãn phiên tòa nhưng không có lý do chính đáng, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập trong vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Văn H không có nghề nghiệp ổn định, không có quyền hạn, nhiệm vụ trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng đưa ra những thông tin gian dối không đúng về nhân thân và

khả năng của bản thân như: làm tại ngân hàng Tiên Phong Bank, có mối quan hệ và có khả năng thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất. Tin tưởng những thông tin do H đưa ra là thật nên từ ngày 03/6/2016 đến ngày 12/9/2016, thông qua bà Hoàng Thị Bích N và anh Phạm Viết T, anh Đ đã chuyển cho Nguyễn Văn H tổng số tiền là 3.377.000.000 đồng để nhờ bị cáo chuyển đổi 930 m^2 đất nông ngiệp tại địa chỉ tại thôn G, xã N, huyện G, Thành phố H sang đất ở lâu dài. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Văn H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên rồi bỏ trốn. Ngày 13/3/2022, Nguyễn Văn H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Nhận thấy bị cáo Nguyễn Văn H không có nghề nghiệp nhưng giả là nhân viên Ngân hàng để bị hại tin tưởng. H không có nhiệm vụ, thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bị cáo biết thẩm quyền trên thuộc Cơ quan Nhà nước, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phải được thực hiện theo thủ tục do pháp luật quy định, các khoản thuế, phí phải được đóng vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo giới thiệu gian dối về bản thân, hứa hẹn chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho bị hại và chiếm đoạt số tiền 3.377.000.000 là phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn nên hành vi của bị cáo có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, do đó cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng đối với bị cáo.

Xét tới các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của bản thân; bị cáo có nhân thân tốt, bố bị cáo là người có công với cách mạng; đã tác động để gia đình bồi thường toàn bộ phần thiệt hại mà bị cáo đã gây ra cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo xuất trình thêm xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy bị cáo nhận thức pháp luật chưa đầy đủ nên vẫn cho rằng bị oan, nhưng bị cáo thể hiện sự rất ăn năn hối cải về hành vi của mình qua việc bán nhà trả nợ, còn trả tiền lãi cho người bị hại. Vợ của bị cáo nhờ qua người khác để cố gắng khắc phục tiền cho người bị hại. Đến nay, số tiền thông qua người khác để trả cho anh Đ, bị cáo vẫn chưa lấy lại được. Anh Thành, anh Đ cũng tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Về ý kiến của người liên quan Mã Thị H: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Hà đề nghị anh T trả lại khoản tiền 850 triệu đồng và đề nghị Hùng (là người chị Hà chuyển tiền vào tài khoản để chuyển trả cho Thành) trả lại 200 triệu đồng. Xét thấy, chị Hà không có yêu cầu này tại cấp sơ thẩm, cũng như không có kháng cáo về vấn đề này. Do đó trong phạm vi xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm không xét yêu cầu của chị Hà. Chị Hà có quyền khởi kiện vụ án dân sự hoặc tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền nếu thấy có dấu hiệu hình sự để bảo vệ quyền lợi của mình.

[5] Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 345/2022/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân Thành phố H:

Xử phạt Nguyễn Văn H (Nguyễn Quốc H) 08 năm 06 tháng tù (Tám năm, sáu tháng tù) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2022.

[2] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Trại tạm giam - CA TP Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- NTGTTK (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

Nguyễn Mạnh Tiến

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình **Trần Quang Minh** **Nguyễn Mạnh Tiến**